Đặc tả Usecase “Thêm khoản thu mới”

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | QLKT01 | **Tên Use case** | Thêm khoản thu mới |
| **Tác nhân** | Kế toán | | |
| **Mô tả ngắn** | Cho phép kế toán tạo một khoản thu mới, bao gồm thông tin về loại phí, số tiền thu và các thông tin liên quan. | | |
| **Tiền điều kiện** | Kế toán đã đăng nhập vào hệ thống.  Có quyền tạo khoản thu mới. | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | |  | Kế toán | Chọn chức năng “Thêm khoản thu mới” | |  | Hệ thống | Hiển thị form nhập thông tin khoản thu | |  | Kế toán | Nhập thông tin khoản thu | |  | Kế toán | Nhấn “Lưu” | |  | Hệ thống | Kiểm tra thông tin khoản thu đã nhập | |  | Hệ thống | Lưu thông tin khoản thu vào cơ sở dữ liệu | |  | Hệ thống | Hiển thị thông báo thành công | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 6a | Hệ thống | Tại bước 5, kiểm tra thông tin khoản thu đã nhập. Nếu kế toán nhập sai hoặc bỏ trống thông tin bắt buộc, hệ thống hiển thị lỗi và quay lại bước 2. | | | |
| **Hậu điều kiện** | Khoản thu mới được lưu vào cơ sở dữ liệu. | | |

\* Dữ liệu đầu vào của form thông tin khoản thu gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
|  | Mã khoản thu | Mã định danh duy nhất của khoản thu | Có | Không trùng lặp, chỉ chứa chữ cái + số (không dấu, không khoảng trắng) | DVVS022025 |
|  | Tên khoản thu | Tên mô tả cho khoản thu | Có | Độ dài tối đa 100 ký tự | Phí dịch vụ vệ sinh |
|  | Loại khoản thu | Phân loại khoản thu | Có | Chỉ chọn từ danh sách có sẵn | Bắt buộc |
| 4. | Số tiền | Mức phí phải thu | Có | Số nguyên dương, không âm, đơn vị VNĐ | 50000 |